TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**121**/2023/HS-PT
Ngày: 14/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Long**.

Bà **Dương Thị Hồng Minh.**

- Thư ký phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Lâm Vũ** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên: Ông **Nguyễn Hữu Đãi Em** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 111/2023/TLPT-HS ngày 14 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn C do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2023/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Văn C; Sinh ngày: 08/8/1994, tại: Tp.Hải Phòng; Nơi ĐKHKTT: Thôn Úc Gián, xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Số 150 Châu Thị Vĩnh Tế, P. M, Q. N, TP . Đà Nẵng; Nghề nghiệp: LĐPT; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Thao và bà Phạm Thị Nhạn *(Đều còn sống)*; Có vợ: Mai Thị Nhung *(đã ly hôn)* và có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 15/12/2022; Bị cáo hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng đầu năm 2020, Nguyễn Văn C từ thành phố Hải Phòng đến thuê phòng trọ tại địa chỉ số 150 đường Châu Thị Vĩnh Tế, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng để hoạt động cho vay lãi nặng. C in các tờ rơi quảng cáo cho vay tiền với các số điện thoại 0901.129.169; 0931.633.622; 0934.896.633 và dán các trụ điện. Khi có người cần vay tiền liên hệ thì C đến nơi ở của họ để thỏa thuận số tiền vay, mức lãi vay, thời hạn vay và phương thức trả tiền . C giữ lại giấy tờ thân của người vay như căn cước công dân, giấy phép lái xe và yêu cầu người vay viết giấy mượn tiền. Người vay đưa tiền lãi, tiền gốc cho C và C đưa tiền vay và thu tiền lãi bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua số tài khoản của ngân hàng Sacombank 040089332933 hoặc số tài khoản của ngân hàng quân đội MB số 3939866668 mang Nguyễn Văn C. C cho vay số tiền dao động từ 10.000.000 đồng đến 200.000.0000 đồng, với 02 hình thức: Hình thức vay thứ nhất: Thời hạn vay 25 ngày, lãi suất 20 %/25 ngày, phí dịch vụ 10 %/tổng số tiền vay *(nếu vay từ lần thứ 2 sẽ được giảm phí dịch vụ còn 07 % / tổng số tiền vay)*. Hình thức vay thứ hai: Lãi suất 01 chu kỳ là 15 %/05 ngày, nếu đóng lãi chậm bị phạt 01 chu kỳ lãi *(15 %/05 ngày)*, khi nào người vay trả đủ tiền gốc thì coi như tất toán xong.

Với cách thức như trên, trong khoảng thời gian từ năm 2020, C đã cho rất nhiều người vay nhưng do thời gian đã lâu và người vay đã tất toán xong nên C không nhớ được nhân thân, lai lịch của người vay và chỉ xác định đã cho 03 người vay với tổng số tiền cho vay là 830.000.000 đồng *(lần vay ít nhất là 10.000.000 đồng , lần vay nhiều nhất là 200.000.000 đồng)*, với mức lãi suất dao động từ 20 % /25 ngày *(tức 288 %/năm, cao gấp 14,4 lần mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự (20 %/năm)* đến 15 %/05 ngày *(tức 1.080 %/năm, cao gấp 54 lần mức lãi suất định của Bộ luật Dân sự (20%/năm)*, số tiền gốc đã thu lại là 732.400.000 đồng, tiền gốc chưa thu lại 97.600.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi là 306.900.000 đồng, trong đó: Tiền lãi được phép *(tương ứng với lãi suất 20 %)* là 12.465.753 đồng; tiền phí là 58.900.000 đồng; tiền thu lợi bất chính là 235.534.247 đồng. Cụ thể:

1. Bà : Trương Thị Tuyết: Khoảng đầu tháng 2/2022 đến tháng 4/2022, bà

Tuyết vay 05 lần với hình thức vay thứ nhất, tổng số tiền vay là 240.000.000 đồng *(trong đó 01 lần vay gói 20.000.000 đồng; 02 lần vay gói 40.000.000 đồng; 01 lần vay gói 80.000.000 đồng và 01 lần vay gói 60.000.000 đồng)* đã trả xong 162.400.000 đồng tiền gốc; 48.000.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 3.287.671 đồng, tiền lãi vượt quá là 44.712.329 đồng) và 17.400.000 đồng tiền phí dịch vụ . Số tiền bà Tuyết chưa trả là 77.600.000 đồng.

2. Bà Chu Thị Tuyết Dung: Khoảng đầu tháng 5/2022 đến tháng 8/2022, chị Dung vay 04 lần với hình thức vay thứ nhất, tổng số tiền vay là 550.000.000 đồng *(trong đó 02 lần vay gói 100.000.000 đồng; 01 lần vay gói 150.000.000 đồng và 01 lần vay gói 200.000.000 đồng)*, đã trả xong 550.000.000 tiền gốc; 110.000.000 đồng tiền lãi (tiền lãi được phép thu là 7.534.247 đồng, tiền lãi vượt quá là 102.465.753 đồng) và 41.500.000 đồng tiền phí dịch vụ.

3. Bà Nguyễn Thị Phương: Khoảng từ tháng 07 đến ngày 03/9/2022, chị Phương vay 03 lần với hình thức vay thứ hai, trong đó lần vay thứ 1 và lần vay thứ 2 vay gói 10.000.000 đồng, đã trả xong 20.000.000 đồng tiền gốc; 18.000.000 đồng tiền lãi *(tiền lãi được phép thu là 328.768 đồng, tiền lãi vượt quá là 17.671.232 đồng)*. Lần vay thứ 3: Ngày 03/9/2022, chị Phương vay gói 20.000.000 đồng, lãi suất 15 %/05 ngày. Do đến hạn trả lãi nhưng chị Phương không trả nên bị phạt trả chậm, ngày 20/11/2022, chị Phương và C thỏa thuận viết giấy mượn tiền là 44.000.000 đồng , trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng và 24.000.000 đồng là tiền lãi + phạt. Đến ngày 04/12/2023, C nhờ Khánh *(không rõ nhân thân, lai lịch)* chở đến nhà chị Phương. Khi đi C đem theo 05 tờ giấy A4 có hình căn cước công dân của chị Phương kèm dòng chữ *"Đối tượng lừa đảo"* mục đích để dán quanh khu vực xóm buộc chị Phương trả nợ cho C nhưng khi đến nhà, thì thấy chị Phương nói chuyện nhẹ nhàng và năn nỉ C "Để cho cô thêm mấy ngày nữa" nên C đồng ý và đi về, bỏ lại 05 tờ rơi lại nhà chị Phương. Đến ngày 07/12/2022 , chị Phương trả cho C 02 kỳ lãi tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng. Ngày 12/12/2022 Phương và C thỏa thuận chốt số tiền chị Phương đã trả lãi cho C ở lần vay thứ 3 này là 24 kỳ lãi tương ứng với 72.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 20.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền lãi + phạt nên chị Phương hẹn C đến nhà để viết lại giấy mượn tiền.

Khoảng 09 giờ 30 ngày 13/12/2022, C điều khiển xe mô tô BKS 43C1-000.68

chở Đào Như Duy đến nhà chị Phương để viết lại giấy mượn tiền như thỏa thuận trước đó. Khi chị Phương chuẩn bị lấy giấy bút để viết thì Công an P. Hòa Quý, Q. N, thành phố Đà Nẵng đến lập biên bản sự việc. Như vậy, chị Phương vay 03 lần với hình thức vay thứ hai , tổng số tiền vay 40.000.000 đồng *(trong đó 02 lần vay gói 10.000.000 đồng; 01 lần vay gói 20.000.00J đồng)*, đã trả xong 20.000.000 tiền gốc; 90.000.000 đồng tiền lãi *(tiền lãi được phép thu là 1.643.836 đồng, tiền lãi vượt quá là 88.356.164 đồng)*. Số tiền bà Phương chưa trả 20.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2023/HSST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

Về hình phạt: Căn cứ khoản 2,3 Điều 201, các điểm b,r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 09 *(chín)* tháng tù. Thời hạn tính tính từ ngày bị bắt 15/12/2022. Phạt bổ sung số tiền 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)*

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 bị cáo Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo với nội dung mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là quá nặng, xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn C giữ nguyên nội dung đơn kháng xin HĐXX xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên đảm bảo và hợp lệ.

Về nội dung: Xét Bản án số: 29/2023/HSST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ

thẩm đã áp dụng đầu đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS mà bị cáo được hưởng đồng thời xử phạt bị cáo 09 *(chín)* tháng tù là phù hợp, không nặng. Mặc dù tại cấp phúc thẩm, bị cáo có tác động gia đình nộp số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* theo quyết định của bản án sơ thẩm và bà Trương Thị Tuyết có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, nhưng cũng không làm thay đổi về mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo; Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có đủ căn cứ để khẳng định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo C thừa nhận trong khoảng thời gian từ đầu tháng 02/2022 đến tháng 9/2022 bị cáo có hành vi cho các bà Trương Thị Tuyết, Chu Thị Tuyết Dung và Nguyễn Thị Phương nhiều lần vay tiền với mức lãi suất vượt quá mức quy định của pháp luật, nhằm mục đích thu lợi bất chính với số tiền như kết luận của Bản án hình sư sơ thẩm số: 29/2023/HSST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân quận ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng pháp luật, không oan. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng về mức hình phạt 09 (chín) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, việc các người bị hại vay tiền là tự nguyện, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có tác động gia đình tự nguyện nộp tiền phạt theo quyết định của Bản án sơ thẩm, vì vậy, bị cáo xin HĐXX xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được đoàn tụ với gia đình.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo thì thấy: Tuy đây là vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo đã trự tiếp xâm phạm đến khách thể là trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước, gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội trên địa bàn thành phố; Do đó, việc các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm bắt khởi tố điều tra, truy tố bị cáo ra trước pháp luật để xử lý nhằm răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

[2.1] Xét khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng tính chất vụ án, đồng thời cũng đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại khoản 1, khoản 2 Đều 51 BLHS, qua đó xử phạt bị cáo 09 *(chín)* tháng tù và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, HĐXX cấp phúc thẩm thấy rằng, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* gồm 02 khoản *(tiền phạt bổ sung và tiền nộp sung công quỹ nhà nước)* theo quyết định của Bản án, đồng thời bà Tuyết có đơn xin giảm nhẹ hình phạt hình phạt cho bị cáo, xét đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, mặt khác xét thời hạn bị cáo chấp hành hình phạt tù tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm là gần 07 (bảy) tháng, đây là khoản thời gian cũng đủ tính giáo dục, răn đe bị cáo; Do đó, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt tù còn lại cho bị cáo là phù hợp.

[3] *Về biện pháp tư pháp:* Đối với số tiền 60.000.000đ *(Sáu mươi triệu đồng)* gia đình bị cáo tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng; Căn cư Điều 46 BLHS tiếp tục quy trữ tạm giữ nhàm đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do được chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo không phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1.1.Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C, sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

1.2. Căn cứ khoản 2 Điều 201, các điểm b,r,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn C**: **06** ***(sáu)*** tháng **29** ***(hai chín)*** ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 15/12/2022. *(Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù)*

1.3. Căn cứ vào khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn C nếu bị cáo không bị giam giữ về một tội nào khác.

2. *Về biện pháp tư pháp*: Căn cứ Điều 46 BLHS.

Tuyên: Tiếp tục quy trữ tạm giữ số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) do gia đình Nguyễn Văn C tự nguyện nộp theo các BL thu tiền số: 1630, 1631 ngày 11/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

3. *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND quận N;
- Công an quận N;
- HSNV - Công an TP Đà Nẵng;
- TAND quận N;
- THA DS quận N;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phan Vĩnh Chuyển

Nơi nhận:
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Công an huyện Hòa Vang;
- HSNV - Công an TP Đà Nẵng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND huyện Hòa Vang;
- THA DS huyện Hòa Vang;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

Bùi Trọng Danh